

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG THANH HÓA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đã được kiểm toán

Mục lục

Trang

Báo cáo của Giám đốc 1 – 2

Báo cáo kiểm toán 4 – 5

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán 5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 8

Thuyết minh Báo cáo tài chính 9 – 17

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hóa trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hóa đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hóa (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 2285/QĐ-BCN ngày 29/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành thành Công ty TNHH MTV.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800962521 lần đầu ngày 29/7/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/10/2010.

Hình thức sở hữu vốn: Nhà nước chiếm 100% vốn.

Trụ sở chính: Lô B – KCN Lễ Môn, tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty tính đến ngày 31/12/2012, bao gồm:

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hàng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo giấy đăng ký kinh doanh.

3. Thành phần Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2012 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty (tiếp theo)

Chủ tịch Công ty: Ông Hứa Duy Sách

Ban giám đốc:

Ông Hứa Duy Sách

Giám đốc

Ông Lê Công Hiệp

Phó Giám đốc

Ông Vũ Văn Quy

Phó Giám đốc

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 17 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam.

6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Giám đốc



GIÁM ĐỐC

Hà Duy Sách

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12



HDT Audit Co., Ltd

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM

VIETNAM HDT AUDITING COMPANY LIMITED

Tel: (84-4) 35 666 390/391 - Fax: (84-4) 35 666 381 - Website: www.hdt-audit.com.vn
Trụ sở: Số 186 phố Nguyễn Cảnh Dị, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Số: 121256/BCKT- HDT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hóa

Kính gửi:

BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THANH HÓA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 28/01/2013 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hóa (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Hạn chế

Chúng tôi đã không thể tham dự kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2012; công nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu số dư tại 31/12/2012. Với các tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi chưa thể khẳng định chắc chắn về số liệu các chỉ tiêu này cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính.

Một số tài sản Công ty chưa thực hiện tính khấu hao.

Tiền thu được từ việc cho Công ty TNHH Giấy Annora Việt Nam thuê đất trong 49 năm 7 tháng, Công ty ghi nhận một phần vào doanh thu năm 2011 và 2012 (ghi nhận Doanh thu năm 2011, số tiền 47.734.545.450 đồng; năm 2012, số tiền 37.345.454.545 đồng); phần còn lại 8.219.520.113 đồng, Công ty chưa ghi nhận doanh thu mà theo dõi trên chỉ tiêu Phải trả phải nộp khác.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì những hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hóa tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh

doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Thanh Huế

Lê Chung

Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

Chứng chỉ KTV số: 2315/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.515.095.044	72.859.991.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.901.365.028	39.007.042.277
1. Tiền	111	V.1	2.758.113.898	2.851.494.010
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.143.251.130	36.155.548.267
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.100.000.000	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.100.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.153.709.808	5.328.957.208
1. Phải thu khách hàng	131		4.037.129.465	3.671.307.018
2. Trả trước cho người bán	132		744.375.833	293.090.115
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.372.204.510	1.364.560.075
IV. Hàng tồn kho	140		11.741.018.662	23.575.879.699
1. Hàng tồn kho	141	V.4	11.741.018.662	23.575.879.699
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.619.001.546	4.948.112.440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	1.167.170.571
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.039.410.664	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	3.837.265.740	792.491.551
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.742.325.142	2.988.450.318
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.949.142.240	73.375.274.197
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	0	0
II. Tài sản cố định	220		65.707.059.286	71.256.410.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	65.267.946.446	55.991.806.071
Nguyên giá	222		87.710.054.369	74.683.733.447
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.442.107.923)	(18.691.927.376)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	439.112.840	15.264.604.382
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		242.082.954	2.118.863.744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	192.082.954	2.068.863.744
3. Tài sản dài hạn khác	268		50.000.000	50.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		111.464.237.284	146.235.265.821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		63.518.107.058	96.585.957.421
I. Nợ ngắn hạn	310		24.108.511.960	57.082.350.333
2. Phải trả người bán	312		1.110.071.028	8.769.553.489
3. Người mua trả tiền trước	313		10.288.001.669	43.428.798.178
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	47.491.473	1.392.599.260
5. Phải trả người lao động	315		321.193.050	0
6. Chi phí phải trả	316	V.17	32.021.000	0
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	12.125.292.994	3.459.049.615
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		184.440.746	32.349.791
II. Nợ dài hạn	330		39.409.595.098	39.503.607.088
3. Phải trả dài hạn khác	333		39.409.595.098	39.409.595.098
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	94.011.990
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.946.130.226	49.649.308.400
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	47.946.130.226	48.342.292.188
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		44.043.028.562	45.494.601.475
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		557.022.451	243.213.471
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		324.012.948	104.719.461
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.234.434.359	306.822.907
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.787.631.906	2.192.934.874
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	1.307.016.212
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	1.307.016.212
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		111.464.237.284	146.235.265.821

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Uthor

Lê Thị Hồng

Kế toán trưởng

Hylm

Giám đốc



GIÁM ĐỐC

Klein Perry Sachs

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			Đồng	Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	51.626.618.209	59.785.977.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		51.626.618.209	59.785.977.065
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	42.137.361.749	51.774.355.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.489.256.460	8.011.621.784
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.520.454.493	2.594.364.123
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	7.975.195	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	24		16.519.044	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.686.905.403	7.741.091.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.298.311.311	2.864.894.886
11. Thu nhập khác	31		115.925.677	65.909.092
12. Chi phí khác	32		0	6.890.813
13. Lợi nhuận khác	40		115.925.677	59.018.279
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.414.236.988	2.923.913.165
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	422.491.473	730.978.291
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.33	1.991.745.515	2.192.934.874

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng

Lê Thị Hồng

Hylhu



GIÁM ĐỐC
Hien Dury Sach

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2012

TT	Chi tiêu	Mã số	Năm 2012 Đồng
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	25.943.869.941
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(40.995.070.651)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.237.844.248)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	0
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.294.291.410)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	277.882.700
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.930.237.120)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.235.690.788)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(290.440.954)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22	
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.400.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	300.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.520.454.493
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.869.986.461)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(26.105.677.249)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.007.042.277
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.901.365.028

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng



Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hóa (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 2285/QĐ-BCN ngày 29/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành thành Công ty TNHH MTV.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800962521 lần đầu ngày 29/7/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/10/2010.

Hình thức sở hữu vốn: Nhà nước chiếm 100% vốn.

Trụ sở chính: Lô B – KCN Lễ Môn, tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm tài chính 2012, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là cho thuê đất và xây dựng hạ tầng.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hàng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo giấy đăng ký kinh doanh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền, tiền đang chuyển đảm bảo đã được kiểm kê đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc *"Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"* và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ; Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về Thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	39.031.991	194.567.724
Tiền gửi ngân hàng	2.719.081.907	2.656.926.286
Tổng	2.758.113.898	2.851.494.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Cho Doanh nghiệp khác vay ngắn hạn	700.000.000	0
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng	3.400.000.000	0
Tổng	4.100.000.000	0

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Công trình đường điện Nomura	133.794.275	133.794.275
SLMB dự án Sakurai và di chuyển đường ống	1.229.491.000	1.229.491.000
Phải thu khác	8.919.235	1.274.800
Tổng	1.372.204.510	1.364.560.075

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.741.018.662	23.575.879.699
Thành phẩm	0	0
Tổng	11.741.018.662	23.575.879.699

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	2.775.070.000	3.002.273.419	2.871.768.571	85.708.182	65.948.913.275	74.683.733.447
Tăng do mua sắm	0	0	0	83.648.910	0	83.648.910
Tăng do XDCB	0	0	0	0	17.226.912.012	17.226.912.012
Giảm khác (*)	0	0	0	0	4.284.240.000	4.284.240.000
Tại ngày 31/12/2012	2.775.070.000	3.002.273.419	2.871.768.571	169.357.092	78.891.585.287	87.710.054.369
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	971.274.500	400.952.382	349.232.206	40.527.218	16.929.941.070	18.691.927.376
Khấu hao trong năm	138.753.500	300.227.342	287.176.858	15.173.394	4.534.500.328	5.275.831.422
Giảm khác (*)	0	0	0	0	1.525.650.875	1.525.650.875
Tại ngày 31/12/2012	1.110.028.000	701.179.724	636.409.064	55.700.612	19.938.790.523	22.442.107.923
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	1.803.795.500	2.601.321.037	2.522.536.365	45.180.964	49.018.972.205	55.991.806.071
Tại ngày 31/12/2012	1.665.042.000	2.301.093.695	2.235.359.507	113.656.480	58.952.794.764	65.267.946.446

(*) Giảm khác do bàn giao tài sản theo quyết định của UBND thành phố Thanh Hóa, chi tiết như sau:

+ Giảm tài sản "Hạ tầng tái định cư các hộ nông nghiệp", Nguyên giá 2.260.225.000 VND, Hao mòn lũy kế 1.525.650.875 VND theo Công văn số 2494/UBND-QLĐT ngày 11/11/2011, phản ánh trên Báo cáo tài chính tương ứng với tăng chi phí khác; giảm lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

+ Giảm tài sản "Đền bù giải phóng mặt bằng khu tái định cư": Nguyên giá 2.024.015.000 VND, Hao mòn lũy kế 0 VND theo Công văn số 2494/UBND-QLĐT ngày 11/11/2011, phản ánh trên Báo cáo tài chính tương ứng với tăng chi phí khác; giảm lợi nhuận.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Dự án văn phòng công ty tại KKT Nghi Sơn	439.112.840	439.112.840
Công trình đồng muối Hải Hà	0	14.825.491.542
Tổng	439.112.840	15.264.604.382

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Chi phí công cụ dụng cụ	192.082.954	184.152.727
Công trình XD nhà máy giấy khu kinh tế Nghi Sơn	0	1.884.711.017
Tổng	192.082.954	2.068.863.744

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Thuế giá trị gia tăng	0	642.339.834
Thuế thu nhập cá nhân	0	2.259.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.491.473	747.999.826
Tổng	47.491.473	1.392.599.260

17. Chi phí phải trả

	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Chi phí khác	32.021.000	0
Tổng	32.021.000	0

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Kinh phí công đoàn	4.517.465	0
Bảo hiểm xã hội	0	24.758.576
Tiền thuê đất	2.529.111.400	679.055.213
Phải trả khác	9.591.664.129	2.755.235.826
Tổng	12.125.292.994	3.459.049.615

CÔNG TY TNHH 1TV ĐT PT HẠ TẶNG THANH HÓA

Địa chỉ: Khu B – KCN Lễ Môn, tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

MẪU SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ khác	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: Đồng	
						Tổng	
Số dư cuối năm trước	45.494.601.475	306.822.907	104.719.461	243.213.471	2.192.934.874	48.342.292.188	
Số dư đầu năm nay							
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	1.991.745.515	1.991.745.515	
Tặng khác	0	927.611.452	219.293.487	313.808.980	0	1.460.713.919	
Giảm khác	(1.451.572.913)	0	0	0	(2.397.048.483)	(3.848.621.396)	
Số dư cuối năm	44.043.028.562	1.234.434.359	324.012.948	557.022.451	1.787.631.906	47.946.130.226	

()** Chi tiết giảm

- Lợi nhuận chưa phân phối giảm do phân phối lợi nhuận năm 2011 và điều chỉnh theo kết quả thanh tra thuế năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Vốn góp của Nhà nước	44.043.028.562	45.494.601.475
Tổng	44.043.028.562	45.494.601.475

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	557.022.451	243.213.471
Quỹ dự phòng tài chính	324.012.948	104.719.461
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	184.440.746	32.349.791
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.234.434.359	306.822.907

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012
	Đồng
Doanh thu cho thuê đất; cung cấp dịch vụ	42.355.882.823
Doanh thu hợp đồng xây lắp	9.270.735.386
Tổng	51.626.618.209

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012
	Đồng
Giá vốn cho thuê đất; cung cấp dịch vụ	32.003.970.900
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	10.133.390.849
Tổng	42.137.361.749

29. Doanh thu tài chính

	Năm 2012
	Đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	2.520.454.493
Tổng	2.520.454.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012
	Đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.414.236.988
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	0
- Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính	0
- Phụ cấp HĐQT, BKS và thư ký HĐQT không tham gia điều hành sản xuất kinh doanh	0
Tổng lợi nhuận tính thuế	2.414.236.988
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	422.491.473

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn xây dựng Việt Nam, có phân loại lại cho phù hợp.

6. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Lê Thị Hồng

Kế toán trưởng



Giám đốc

GIÁM ĐỐC